

Số: /2024/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm lâm;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Khuyến khích áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này đối với kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng là mức tiêu hao về lao động, vật tư, máy móc thiết bị cho các công việc trong kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.

2. Hệ số điều chỉnh (K) là hệ số được sử dụng để tính toán, điều chỉnh mức hao phí lao động khi các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng thay đổi.

3. Cự ly di chuyển là khoảng cách di chuyển không sử dụng được phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa có động cơ để đến nơi thực hiện kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Nội dung và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra hiện trạng rừng để thực hiện kiểm kê rừng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng (sau đây gọi là Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT).

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng tại Thông tư này tuân thủ các nội dung về kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng được quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng (sau đây gọi là Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT) và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT (sau đây gọi là Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT). Đối với những nội dung công việc có liên quan đến kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng chưa được quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này thì áp dụng định mức theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tuân thủ yêu cầu được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4. Căn cứ theo mục đích, yêu cầu, quy mô, phương pháp tổ chức thực hiện kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng để lựa chọn nội dung và áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, đảm bảo phù hợp, tránh chồng chéo, lãng phí.

5. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám trong kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

Điều 4. Quy định chung

1. Kiểm kê rừng thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Theo dõi diễn biến rừng thực hiện theo quy định tại Chương V Thông tư số

33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT. Định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.

4. Căn cứ vào điều kiện cụ thể từng khu vực và biện pháp kỹ thuật, áp dụng hệ số điều chỉnh (K) để tính toán mức hao phí lao động cần thiết cho từng hạng mục công việc khi lập đề cương, dự toán.

5. Chi phí và hệ số được áp dụng trong kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng:

a) Hệ số lương theo quy định; phụ cấp lưu động; phụ cấp nghề độc hại, nguy hiểm; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; đoàn phí công đoàn;

b) Hệ số khó khăn là hệ số dùng để điều chỉnh mức lao động thực địa khi người lao động thực hiện công việc tại hiện trường có mức độ khó khăn khác nhau;

c) Mức lao động kỹ thuật ngừng việc do thời tiết của lao động kỹ thuật thực địa.

6. Chi phí máy móc, thiết bị kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng không quá 5% chi phí công lao động.

7. Chi phí vật tư dụng cụ, điện nước, thông tin liên lạc không quá 5% chi phí công lao động.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với Cục Lâm nghiệp và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền; hướng dẫn triển khai thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng toàn quốc;

b) Ban hành phần mềm kiểm kê rừng, phần mềm cập nhật diễn biến rừng phục vụ quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu kiểm kê rừng, diễn biến rừng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật Lâm nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức phổ biến, tuyên truyền; triển khai thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng tại địa phương.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024.

2. Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL ngày 02 tháng 10 năm 2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo

đổi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chương trình, dự án áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng đã phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc chương trình, dự án đó. Trường hợp chương trình, dự án đã phê duyệt phải điều chỉnh sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KL (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị